

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2020
V/v “Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Chúc và bà Phan Thị Nhụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hòa - Thư ký TAND huyện QV

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, tỉnh BN mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa số 04a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 06a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1995 (có mặt)

STQ: Đội 1, xã HS, huyện KM, tỉnh HD

HKTT: Thôn CC, xã CP, huyện QV, tỉnh BN

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

STQ: Thôn CC, xã CP, huyện QV, tỉnh BN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương ngày 24/8/2014. Trước khi cưới anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã CP cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu khó làm ăn, chơi bời, hay đánh đập chị dẫn đến đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng dần mất lòng tin và sự tôn trọng lẫn nhau. Do cuộc sống hôn nhân ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên tháng 8/2019 chị đã đưa hai con về nhà đẻ ở huyện KM, tỉnh HD sinh sống. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều không có biện pháp nào để đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân và không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị được giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 16/10/2014 và Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 30/9/2017. Sau khi chị cùng các con về nhà để được một thời gian thì mẹ chồng chị là bà Lê Thị Đ đã lên đón cháu về để nuôi dưỡng. Hiện nay, hai cháu đang ở cùng với anh T và bà Đ. Khi vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị xác nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được khối tài sản chung nào nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T cố tình vắng mặt và không phối hợp để giải quyết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và gặp anh T để lấy lời khai song anh T không hợp tác. Tuy nhiên, qua trao đổi, anh T có thể hiện quan điểm: Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được đăng ký kết hôn tại UBND xã CP. Hiện chị B về nhà để ở và vợ chồng không thể đoàn tụ nên Tòa án cứ giải quyết theo đơn của chị B và anh sẽ không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh T trình bày ai nuôi cũng được nhưng ai nuôi thì nuôi cả, không tách các con chung.

Bà Lê Thị Đ là mẹ đẻ anh T cho biết: Năm 2014, bà tổ chức cho anh T kết hôn với chị Trần Thị B. Trong thời gian chung sống, chị B và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có đánh cãi chửi nhau do anh T nóng tính. Thời gian chung sống giữa anh T và chị B từ năm 2014, đến tháng 8/2019 thì mâu thuẫn càng trầm trọng và chị B đã về nhà đẻ ở. Khi đi, chị B mang theo hai con chung của chị B và anh T nhưng không nói gì với bà. Đến tháng 11/2019, bà đã xuống HD, được sự đồng ý của chị B và gia đình chị B, bà đã đón các cháu về nuôi. Quan điểm của bà về quan hệ hôn nhân giữa B và T thì Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật, còn về hai con chung của B và T thì bà mong được nuôi dưỡng các cháu.

Bà Đ cũng xác nhận việc Cán bộ Tòa án đến làm việc tại gia đình bà, anh T có nhà nhưng không hợp tác, không ký nhận văn bản và không cho bà ký vào bất cứ văn bản nào nên bà xác nhận lời khai nhưng không ký vào biên bản.

(Buổi làm việc với anh T và bà Đ có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn H – Trưởng thôn CC, xã CP).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay chị Trần Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung.

Đại diện VKSND huyện QV tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị xử cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Con chung: Giao cho chị Trần Thị B nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 16/10/2014 và cháu Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 30/9/2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh T được đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, công nợ, đất ruộng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị B phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được giao giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Trần Thị B và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã CP cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/7/2014 tại quyển số 01/2014, việc kết hôn đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Trong thời gian chị B làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án, anh T đã biết và nhận được những thông báo của Tòa án nhưng anh T không có quan điểm rõ ràng về quan hệ hôn nhân, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đều cố tình vắng mặt trong các buổi

làm việc. Như vậy, chứng tỏ anh T cũng mặc nhiên và không còn quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình.

Qua xác minh tại địa phương cũng xác định được chị Trần Thị B và anh Nguyễn Văn T có được đăng ký kết hôn hợp pháp và chung sống cùng nhau từ năm 2014 đến khoảng giữa năm 2019. Trong thời gian chung sống, anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng có đánh cãi chửi nhau, hiện chị B không còn sống chung cùng anh T. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Văn T là có thật trên thực tế, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có sinh được 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 16/10/2014 và Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 30/9/2017. Hiện các cháu đang do bà Đ chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, chị B luôn có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Qua xác minh tại địa phương, anh T là lao động tự do, không có công việc ổn định, thi thoảng lại vắng mặt tại địa phương, việc chăm sóc các cháu, con anh T, chị B do bà Lê Thị Đ (mẹ anh T) đảm nhiệm. Bản thân anh T có 01 con riêng và anh T đang có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, chị B có cung cấp hợp đồng lao động với Công ty TNHH VIETORY, thể hiện chị có công việc và mức lương ổn định để đảm bảo về điều kiện kinh tế cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, hơn nữa các cháu Khánh và Mạnh còn nhỏ, cần sự chăm sóc của chị B. Xét điều kiện thực tế và nguyện vọng chính đáng của chị B nên cần giao các con chung cho chị B được nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do chị B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề cập giải quyết.

- Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 16/10/2014 và Nguyễn Văn Mạnh, sinh ngày 30/9/2017 cho chị Trần Thị B được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Án phí: Chị Trần Thị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0000784 ngày 04/12/2019 của Chi cục THA dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND huyện QV;
- Chi cục THA huyện QV;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên